

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẤP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/DS-ST  
Ngày 30-12-2021  
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quan Nam

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

2. Bà Lê Nguyễn Huỳnh Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2021/TLST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2021/QĐXXST-DS, ngày 07/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mười H, sinh năm 1967; Chủ hộ kinh doanh Phan Việt N; HKTT: Số 80, đường Lý Thường K, t2, k2, P 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng T; tạm trú: Số 98R-98Q, đường Lê L, P2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng T;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phan Chánh N, sinh năm 1966; HKTT: Số 78, đường Lý TK, K2, P2, thành phố CL, tỉnh ĐT; tạm trú: Số 98R-98Q, đường Lê L1, P2, thành phố CL1, tỉnh Đồng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2021).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970; (Có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Số 519, ấp Nhơn Q, xã Vĩnh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phan Minh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 80, đường Lý Thường K1, K2, P2, thành phố Cao L1, tỉnh Đồng T2. (Có mặt tại phiên tòa).

*Người đại diện hợp pháp của Phan Minh Thiện:* Ông Phan Chánh N, sinh năm 1966; HKTT: Số 78, đường Lý Thường K, K2, P2, thành phố CL, tỉnh Đồng

T; tạm trú: Số 98R-98Q, đường Lê L, thành phố CL1, tỉnh Đồng T là người đại diện theo ủy quyền của Phan Minh T (Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2021).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa ông Phan Chánh N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Mười H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Minh T trình bày: Từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019, bà Nguyễn Thị H1 có mua thuốc thủy sản của bà Mười H nhiều lần về nuôi cá còn thiếu 55.185.000 đồng không trả. Sau khi bà H1 không trả tiền đến ngày 05/3/2020 thì bà Mười H và bà H1 quyết toán với nhau là bà H1 còn nợ tiền mua thuốc thủy sản của bà Mười H số tiền là 55.185.000 đồng, bà Mười H và bà H1 có làm một Biên bản xác định công nợ là bà H1 còn nợ bà Mười H số tiền 55.185.000 đồng, bà H1 là người ký tên vào Biên bản xác định công nợ cho bà Mười H. Sau khi quyết toán và ký tên vào Biên bản xác định công nợ bà H1 có trả được cho bà Mười H 12.000.000 đồng. Còn lại 43.185.000 đồng bà H1 không trả, bà Mười H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả nhưng bà H1 vẫn không trả.

Đối với việc bà H1 cho rằng số tiền nợ trên là bà H1 nợ của anh T là không đúng, anh T là con của bà Mười H, anh T chỉ là người giao hàng cho bà H1 thay cho bà Mười H, anh T xác định nợ trên là bà H1 nợ của bà Mười Hai chứ không phải nợ của anh T, nên anh T không yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, anh T cho rằng sau khi bà H1 ký tên xác định công nợ cho bà Mười H với số tiền 55.185.000 đồng thì bà H1 có trả cho bà Mười H số tiền 12.000.000 đồng do anh T là người trực tiếp nhận tiền, ngoài ra anh T không có nhận khoản tiền nào từ bà H1 theo như trình bày của bà H1 và sau khi xác định công nợ xong anh T cũng không có nhận thuốc gì của bà H1 trả lại theo như trình bày của bà H1.

Nay bà Mười H yêu cầu bà H1 trả vốn của hợp đồng mua bán thuốc thủy sản còn lại là 43.185.000 đồng.

- Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Từ trước đến nay bà H1 không có mua thuốc thủy sản của Mười H như bà Mười H trình bày. Trước đây từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019, bà Nguyễn Thị H1 có mua thuốc thủy sản của anh Phan Minh T nhiều lần để về nuôi cá còn thiếu số tiền 55.185.000 đồng. Đến ngày 05/3/2020 thì anh T và bà H1 quyết toán với nhau là bà H1 còn nợ tiền mua thuốc thủy sản của anh T là 55.185.000 đồng. Đồng thời, bà H1 có ký tên vào Biên bản xác định công nợ cho anh T với số tiền là 55.185.000 đồng. Tuy nhiên, lúc ký tên vào Biên bản xác định công nợ bà H1 không xem qua, nay bà H1 mới biết biên bản xác định công nợ cho bà Mười H, bà H1 thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ tên trong Biên bản xác định công nợ mà bà Mười H cung cấp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của bà H1. Sau khi quyết toán ký tên vào Biên bản xác định công nợ bà H1 có trả cho anh T 03 lần tiền với số tiền là 30.000.000 đồng, còn nợ lại anh T số tiền 25.185.000 đồng. Việc trả nợ cho anh T 30.000.000 đồng không làm giấy tờ và cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Đối với số tiền 25.185.000 đồng còn nợ lại, bà H1 không tiền trả cho

T, nên anh T đến nhà của bà H1 lấy thuốc lại và đã trừ hết số tiền 25.185.000 đồng, nên không còn nợ tiền của anh T. Việc anh T lấy thuốc lại để trừ nợ 25.185.000 đồng bà H1 không có chứng cứ gì để chứng minh.

Nay bà Nguyễn Thị H1 không đồng ý trả cho anh T và bà Mười H số tiền mua thuốc thủy sản là 43.185.000 đồng theo như yêu cầu của bà Mười H.

- *Tại tờ tường trình ngày 15/12/2012 cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Minh T trình bày:* Anh T là con ruột của bà Mười H. Từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019 bà H1 có mua thuốc thủy sản của bà Mười H nhiều lần còn thiếu số tiền là 55.185.000 đồng không trả, bà Mười H bán thuốc thủy sản cho bà H1, anh T là người trực tiếp giao thuốc cho bà H1, việc mua bán thuốc nói trên có ghi sổ sách theo dõi là bà H1 còn thiếu số tiền 55.185.000 đồng. Đến ngày 05/3/2020, bà H1 và bà Mười H có quyết toán với nhau là bà H1 còn nợ bà Mười H 55.185.000 đồng và bà H1 có ký tên vào Biên bản xác định công nợ cho bà Mười H, trong Biên bản xác định công nợ có ghi số tiền bà H1 còn nợ bà Mười H là 55.185.000 đồng. Sau khi ký Biên bản xác định công nợ bà H1 có trả cho bà Mười H số tiền 12.000.000 đồng, anh T là người trực tiếp nhận của bà H1 12.000.000 đồng và mang về giao cho bà Mười H, còn lại số tiền 43.185.000 đồng đến nay bà H1 không trả cho bà Mười H.

Đối với việc bà Hoa cho rằng sau khi ký Biên bản xác định công nợ cho bà Mười H, bà H1 có trả cho anh T 30.000.000 đồng, còn lại 25.185.000 đồng anh T lấy thuốc thủy sản của bà H1 lại để trừ số tiền 25.185.000 đồng là không đúng, anh T không có nhận 30.000.000 đồng và thuốc thủy sản của bà H1 để trừ nợ như bà H1 trình bày. Anh T xác định từ ngày bà H1 ký tên vào Biên bản xác định công nợ bà H1 chỉ trả cho anh T 12.000.000 đồng, ngoài ra anh T không nhận của bà H1 khoản tiền nào khác và cũng không nhận thuốc thủy sản của bà H1 để trừ nợ như lời trình bày của bà H1. Số tiền 43.185.000 đồng còn lại là bà H1 nợ của bà Mười H chứ không phải nợ anh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị Mười H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả lại số tiền bà Hoa mua thuốc thủy sản của bà Mười H là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do Nguyễn Thị H1 có địa chỉ tại số 519, ấp Nhơn Quới, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019, bà Nguyễn Thị H1 có mua thuốc thủy sản của bà Mười Hai nhiều lần về nuôi cá còn thiếu số tiền 55.185.000 đồng không trả. Đến ngày 05/3/2020 thì bà Mười H và bà H1 quyết toán với nhau và bà

H1 đã ký tên vào Biên bản xác định công nợ cho bà Mười H là bà H1 còn nợ tiền mua thuốc thủy sản của bà Mười H là 55.185.000 đồng. Sau khi quyết toán và ký tên vào Biên bản xác định công nợ bà H1 có trả được cho bà Mười H được 12.000.000 đồng còn lại 43.185.000 đồng đến nay không trả là có thật. Cơ sở để chứng minh là Biên bản xác định công nợ ngày 05/3/2020.

Mặc khác, bà H1 cũng thừa nhận Biên bản xác định công nợ ngày 05/3/2020 là do bà H1 ký tên và ghi họ tên bà H1, đồng thời bà H1 cũng thừa nhận có nợ số tiền theo như Biên bản xác định công nợ là 55.185.000 đồng, nhưng bà H1 cho rằng nợ này bà H1 nợ của anh T chứ không phải nợ của bà Mười H. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh T cho rằng anh T chỉ là người giao hàng cho bà H1 thay cho bà Mười H và anh T xác định nợ trên là bà H1 nợ bà Mười H chứ không phải nợ của anh T. Do đó, có đủ cơ sở xác định số tiền 55.185.000 đồng theo như Biên bản xác định công nợ là bà H1 nợ của bà Mười H.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình tố tụng bà H1 cho rằng sau khi bà H1 ký xác định công nợ cho bà Mười H thì bà H1 có trả cho anh T được 03 lần với số tiền là 30.000.000 đồng, còn lại 25.185.000 đồng bà H1 không có tiền trả, nên anh T đến nhà bà H1 lấy lại thuốc để trừ số nợ 25.185.000 đồng. Tuy nhiên, lời trình bày này không được anh T và bà Mười H thừa nhận, đồng thời bà H1 cũng không có chứng cứ gì để chứng minh, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh T và bà Mười H thừa nhận, sau khi bà H1 ký xác định công nợ cho bà Mười H, bà H1 chỉ trả cho anh T được 12.000.000 đồng chứ không phải là 30.000.000 đồng như bà H1 trình bày, anh T cũng không thừa nhận có nhận thuốc lại để trừ số tiền 25.185.000 đồng như bà H1 trình bày. Do đó, việc bà Mười H yêu cầu bà H1 trả lại tiền mua thuốc thủy sản còn nợ lại là 43.185.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị H1 mua thuốc thủy sản của bà Mười H, nhưng bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Mười H. Sau đó, bà Mười H nhiều yêu cầu bà H1 trả số tiền còn nợ, nhưng bà H1 không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua hàng quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Nay bà Mười H yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Mười H vốn của hợp đồng mua bán thuốc thủy sản là 43.185.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bà Mười H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật được chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mười H, buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ hoàn trả vốn của hợp đồng mua thuốc thủy sản là 43.150.000 đồng cho bà Mười H.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H1 trả tiền mua thuốc thủy sản còn nợ cho bà Mười H nên bà H1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 430, 440, 468, 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mười H đối với bà Nguyễn Thị H1.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H1 hoàn trả cho bà Lê Thị Mười H vốn của hợp đồng mua bán thuốc thủy sản là 43.185.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc bà Nguyễn Thị H1 nộp 2.159.000 đồng (Hai triệu, một trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Mười H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị Mười H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.380.000 đồng (Một triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai số BI/2019/0014264 ngày 30/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

4. Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Huyện;
- VKSND Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Quan Nam**

